

SỔ TAY SINH VIÊN

Sổ tay sinh viên được phát hành đầu khóa học nhằm giúp sinh viên chủ động tổ chức việc học tập của mình một cách tốt nhất.

Sinh viên cần đọc và thực hiện đầy đủ các hướng dẫn trong sổ tay. Những mốc thời gian qui định cho từng loại công việc trong sổ tay là chính xác. Đòi hỏi mỗi sinh viên phải nghiêm chỉnh tuân theo, trước hết để tránh thiệt hại về quyền lợi của chính mình và bên cạnh đó cũng không gây phiền hà cho nhà trường, bạn bè.

Sinh viên cần đặc biệt lưu ý các vấn đề sau:

I. ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN

Trước mỗi học kỳ, sinh viên cần đăng ký các học phần mà sinh viên dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của nhà trường. ***Nếu quên nhà trường xem như bạn đã bỏ học ở học kỳ đó.***

Để việc đăng ký có kết quả sinh viên cần tuân theo 5 bước như sau:

- Lập kế hoạch học tập cho cá nhân
- Chuẩn bị đăng ký học phần
- Đăng ký học phần
- Đăng ký bổ sung hoặc điều chỉnh đăng ký
- Đóng học phí

Bước 1: Lập kế hoạch học tập cho cá nhân

Lịch dạy/học được gửi đến trước mỗi học kỳ chính ít nhất 2 tuần. Sinh viên cần nghiên cứu Tiến trình đào tạo, lịch dạy/học để lựa chọn thực hiện theo lịch hoặc có thể điều chỉnh theo hướng tăng hoặc giảm số học phần mà sinh viên dự định sẽ học trong học kỳ cho phù hợp với ý định, hoàn cảnh và năng lực học tập cụ thể của mình.

Để sự lựa chọn được tốt nhất, sinh viên cần:

- Đọc kỹ Chương trình đào tạo, Tiến trình đào tạo và Lịch dạy/học
- Gặp Cố vấn học tập để được tư vấn.

Khi lập kế hoạch cho mình sinh viên cần lưu ý:

- Sinh viên phải thực hiện lịch học của lớp học ổn định (cho các học phần cốt lõi) do Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế quy định. Ngoài ra sinh viên cần đăng ký học thêm một số học phần bổ sung tại các lớp học

độc lập hoặc tại những lớp học ổn định khác để đảm bảo cân đối khối lượng học tập trong toàn bộ chương trình đào tạo, tránh hiện tượng khối lượng học tập giữa các kỳ quá lệch nhau ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể ở mỗi học kỳ, khi đăng ký khối lượng học tập sinh viên cần lưu ý:

- + Khối lượng học tập đăng ký tối thiểu không nhỏ hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;

- + Khối lượng học tập đăng ký tối đa không quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;

- + Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với người học ở học kỳ phụ.

- + Được quyền đăng ký học lại những môn học bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Các trường hợp ngoại lệ phải được Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế chấp nhận.

Bước 2: Chuẩn bị đăng ký học phần

Lịch học các học phần ở lớp học ổn định, lớp học độc lập do Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế sắp xếp. Sinh viên căn cứ vào lịch học để đăng ký khối lượng học tập cho phù hợp.

Trước khi đăng ký chính thức, sinh viên cần kiểm tra cẩn thận các thông tin sau:

- Ngày giờ đăng ký và thời hạn chót để đăng ký.
- Tên và mã số học phần lớp học.
- Các học phần (kể cả các học phần thuộc lớp học ổn định) có bị trùng lặp về thời gian học và thời gian thi kết thúc hay không?
- Có đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu (hoặc tối đa) hay không

Kết thúc khâu chuẩn bị, sinh viên phải gặp Cố vấn học tập để nhận tư vấn và phải được cố vấn học tập chấp thuận.

Bước 3: Đăng ký học phần

Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế chỉ tiếp nhận Phiếu đăng ký học phần của sinh viên khi sinh viên đã ghi vào phiếu đăng ký đầy đủ các thông tin sau:

- Họ và tên.
- Mã sinh viên.
- Ngành (hoặc chương trình) đào tạo, khoá tuyển sinh.
- Mã của lớp học ổn định (đã được Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế bố trí).

- Mã của các lớp học độc lập và các lớp học ổn định khác mà sinh viên đã đăng ký.

Trên phiếu đăng ký học phần phải có chữ ký của cố vấn học tập. Trước khi nộp cho Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế sinh viên cần kiểm tra lại một lần nữa về độ chính xác của các thông tin trên phiếu.

Kết quả đăng ký học phần được trả trực tiếp trên mạng nội bộ hoặc trên thông báo ở bảng tin của trường.

Bước 4: Đăng ký điều chỉnh

Sau khi có kết quả đăng ký học phần, ngay trong tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 3 ngày đầu của học kỳ phụ, sinh viên cần đăng ký điều chỉnh học phần nếu như Nhà trường không tổ chức được lớp cho những học phần mà sinh viên đã đăng ký.

Đăng ký điều chỉnh được thực hiện trực tiếp tại Phòng Đào tạo.

Thủ tục đăng ký bổ sung được thực hiện giống như ở Bước 3.

Bước 5: Đóng học phí

Học phí của sinh viên được tính cho toàn khóa được thông báo trong giấy nhập học. Sinh viên đóng học phí theo các học kỳ. Học phí này tính cho sinh viên đăng ký học lần 1 tại các học kỳ chính.

Đối với các sinh viên có kết quả học tập của học phần đăng ký học lần 1 không đạt, phải đăng ký học lại, học đổi học phần, sinh viên phải nộp học phí (được gọi là học phí học lại). Học phí này tính theo số tín chỉ sinh viên đăng ký.

Thời gian đóng học phí:

- Sinh viên phải đóng học phí trong 5 tuần đầu kể từ ngày học đầu tiên của học kỳ. Sinh viên sẽ không được dự thi kết thúc học phần nếu đóng học phí sau thời hạn trên.

- Đối với học phí học lại, sinh viên nộp cùng phiếu đăng ký học lại, học chuyển học phần.

Ghi chú: Trường hợp đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác sinh viên cần viết rõ tên học phần cũ trong phiếu đăng ký học tập và phải thực hiện nghĩa vụ đóng học phí học lại, học đổi theo qui định của Nhà trường.

II. TỔ CHỨC LỚP HỌC

Lớp học ổn định được Phòng QL Đào tạo - Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế bố trí theo khoá tuyển sinh. Đối với phần đông sinh viên, lớp học ổn định được duy trì không thay đổi suốt cả khoá học. Việc chuyển đổi lớp ổn định chỉ diễn ra với một số sinh viên thuộc đối tượng tạm ngừng tiến độ học.

Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội học sinh - sinh viên ... được thực hiện trên lớp học ổn định. Cố vấn học tập của lớp học ổn định nào cũng đồng thời là Giáo viên chủ nhiệm của lớp đó.

Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần không phải cốt lõi hoặc học phần cốt lõi dạy ở học kỳ phụ, dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học ổn định như sau: Không quá 35 sinh viên mỗi lớp.

III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG QUY ĐỊNH HỌC TẬP

1. Sinh viên phải thông thạo cách tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tính từ đầu khóa học và khối lượng các học phần bị điểm dưới 4 theo thang điểm 10.

Trước khi bắt đầu một học kỳ mới, sinh viên cần chủ động tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tính từ đầu khóa học và khối lượng các học phần bị điểm dưới 4 theo thang điểm 10 để biết được tình trạng học tập của sinh viên, từ đó lập kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng của mình.

Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0.4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0.6 (điểm kiểm tra là trung bình của các bài kiểm tra thường xuyên hệ số 1 và bài kiểm tra định kỳ hệ số 2).

Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4.0 trở lên.

Điểm chung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của tất cả các học phần mà sinh viên đã đăng ký học ở học kỳ đó.

Điểm trung bình chung tính từ đầu khóa học là điểm trung bình có trọng số của tất cả các học phần mà sinh viên đã học từ đầu khóa học.

Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học và điểm trung bình chung toàn khóa học được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học hoặc điểm trung bình chung khóa học

i : là số thứ tự môn học

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần trong học kỳ/ năm học/ khóa học hoặc số môn học đã tích lũy.

Khối lượng các học phần bị điểm dưới 4 là tổng số tín chỉ của tất cả các học phần bị điểm dưới 4 tính theo thang điểm 10 tính từ đầu khóa học.

Học phần Giáo dục thể chất và giáo dục QP-AN là 2 môn học điều kiện, kết quả không tính vào điểm trung bình chung.

2. Quy đổi điểm môn học và điểm chung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy

- a) Điểm môn học được tính theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

	Điểm thang 10	Điểm chữ
-Loại đạt:	8,5 – 10	A
	7,0 - 8,4	B
	5,5 - 6,9	C
	4,0 - 5,4	D
- Loại không đạt:	dưới 4,0	F

- b) Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của môn học phải được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số thang điểm 4 như sau:

- A tương ứng với 4
- B tương ứng với 3
- C tương ứng với 2
- D tương ứng với 1
- F tương ứng với 0

3. Xếp hạng học tập

3.1. Xếp loại kết quả học tập

- a) Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ được căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4, cụ thể:

- Xuất sắc: từ 3,50 đến 4,00
- Loại giỏi: từ 3,00 đến 3,49
- Loại khá: từ 2,50 đến 2,99
- Loại trung bình: từ 2,00 đến 2,49

- Loại yếu: dưới 2,00

b) Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ được xếp loại kết quả học tập;

- Có một mô đun hoặc môn học trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 mô đun hoặc môn học trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi, không tính mô đun, môn học điều kiện; mô đun, môn học được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ.

3.2. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại người học về học lực.

3. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

3.1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của người học được dựa trên các điều kiện sau:

a) Tổng số mô đun, môn học không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng học tập đã đăng ký đầu kỳ;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1,2 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,5 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Số lần bị cảnh báo kết quả học tập không được vượt quá 04 lần.

3.2. Sau mỗi học kỳ, Học sinh sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;

b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận.

4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, học và thi lại

4.1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

Người học được dự thi kết thúc môn học khi bảo đảm các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% các bài tích hợp/ bài thực hành, thực tập và các yêu cầu khác được quy định trong chương trình mô đun, môn học.

b) Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

4.2. Số lần dự thi kết thúc môn học

a) Sau khi học xong mô đun, môn học, người học đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được dự thi kết thúc mô đun, môn học. Nếu điểm mô đun, môn học chưa đạt yêu cầu ở lần thi thứ nhất thì người học được dự thi thêm 02 lần ở kỳ thi khác do Nhà trường tổ chức.

b) Người học có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần ở lần thi tiếp theo để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng.

c) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó, và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó và phải tham gia kỳ thi lại, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

d) Điểm thi kết thúc mô đun, môn học đạt yêu cầu là những điểm thi kết thúc mô đun, môn học từ 3,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

4.3. Học và thi lại

1. Người học phải học lại và thi lại các mô đun, môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không đủ điều kiện dự thi.

b) Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học theo qui định nhưng điểm thi chưa thuộc loại đạt (điểm thi dưới 3,5 điểm theo thang điểm 10)

c) Đã hết số lần dự thi kết thúc mô đun, môn học nhưng điểm mô đun, môn học chưa đạt yêu cầu (điểm mô đun, môn học dưới 1,0 theo thang điểm 4).

d) Đăng ký học lại, thi lại để cải thiện điểm.

2. Người học phải học lại và thi lại không được bảo lưu điểm và thời gian học tập môn học của môn học lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại mục 4.1

3. Trường hợp không còn mô đun, môn học do chương trình thay đổi thì Hiệu trưởng quyết định chọn mô đun, môn học khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của của chương trình đào tạo.

5. Điều kiện tốt nghiệp

5.1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số tín chỉ, mô đun quy định của chương trình;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;

c) Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;

d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

5.2. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp

luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

5.3.Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

5.4.Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

(Chú ý: Trong quá trình học tập, người học phải luôn chú ý đến kết quả học tập. Trong trường hợp người học có nhiều môn bị điểm D thì phải chủ động đăng ký học cải thiện để đảm bảo trước khi xét tốt nghiệp, Điểm TBC tích lũy toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên).

6. Xếp loại tốt nghiệp

6.1. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:

- Xuất sắc: từ 3,50 đến 4,00
- Loại giỏi: từ 3,00 đến 3,49
- Loại khá: từ 2,50 đến 2,99
- Loại trung bình: từ 2,00 đến 2,49

6.2. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 01 môn học, mô đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học, mô đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi, không tính môn học, mô đun điều kiện; môn học, mô đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ;

b) Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình đào tạo;

c) Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường, không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 30 của Quyết định ban hành Quy chế đào tạo số 543/QĐ-CĐĐ ngày 6/6/2022;

MỐI QUAN HỆ GIỮA SINH VIÊN VỚI CỐ VẤN HỌC TẬP

Cố vấn học tập là người được Hiệu trưởng phân công, giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát và tư vấn việc học tập của các thành viên trong mỗi lớp học ổn định.

Theo Quy định về công tác cố vấn học tập trong trường Cao đẳng Dược Trung ương-Hải Dương ban hành, sinh viên có trách nhiệm:

- Thường xuyên đến gặp cố vấn học tập của mình để trao đổi về những vướng mắc trong quá trình học tập và rèn luyện của mình.

- Chú ý lắng nghe những lời hướng dẫn, tư vấn, nhắc nhở và cảnh báo của Cố vấn học tập dành cho mình.

- Thường xuyên theo dõi các thông báo của nhà trường, đọc kỹ và hiểu được những nội dung cơ bản của Quy định đào tạo, Thông tin đào tạo và Sổ tay sinh viên. Thực hiện các công việc theo đúng thời gian quy định trong Lịch học vụ.

**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐT NGÀNH DƯỢC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
(Khóa học 2023 - 2027)**

HK I: 16 TC
15 tuần + 3 thi

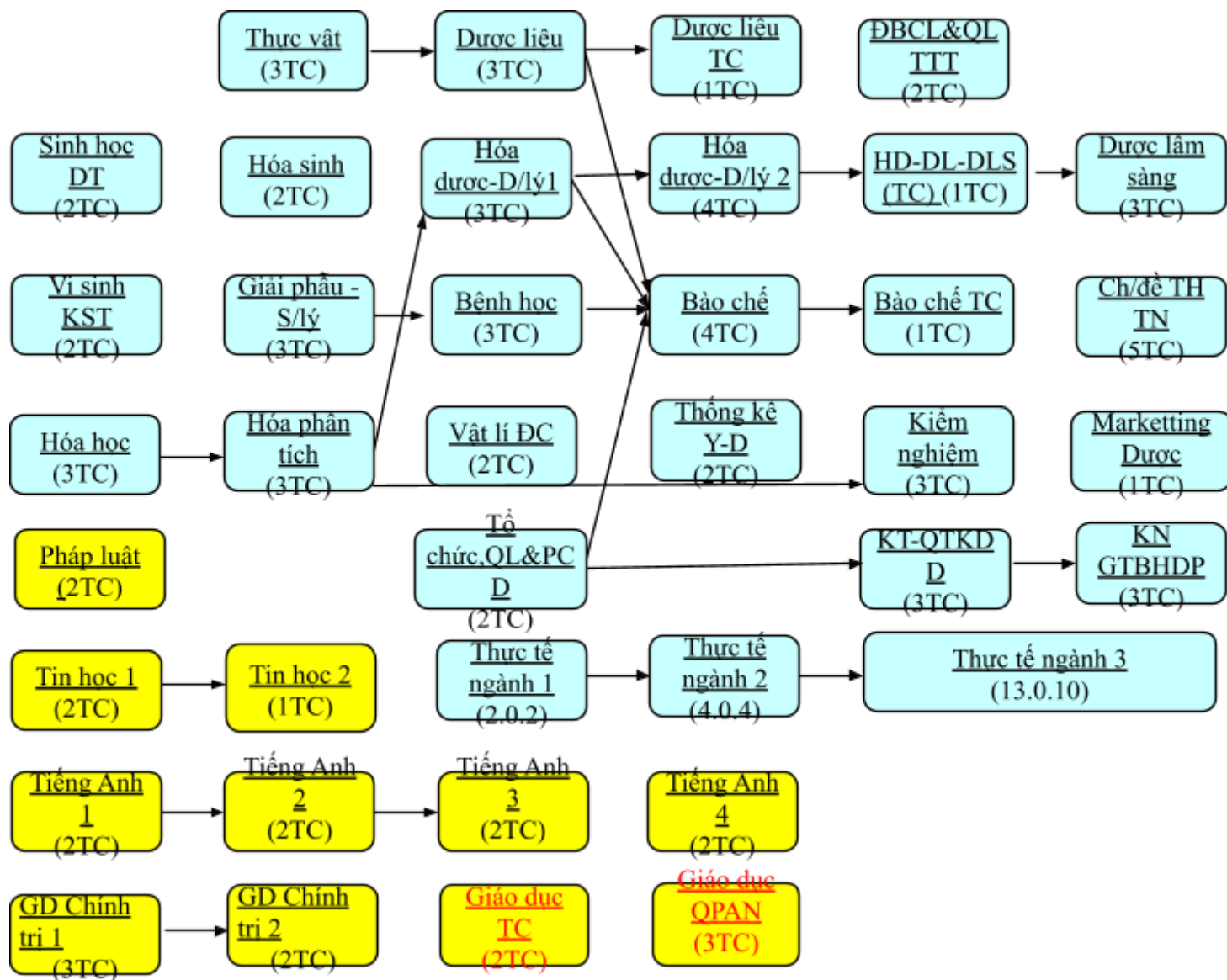
HK II: 16 TC
15 tuần + 3
thi

HK III: 17 +2 TC
15 +2 tuần + 3
thi

HK IV: 13+3+4 TC
15 tuần+ 3 thi

HK V: 10 +13 TC
10 tuần+ 3 thi

HK VI:
7+5TC
8 tuần+ 2 thi



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT				
				TỔNG	LT	TL, BT	KT	TH
		HỌC KỲ I						
1	MHCDC1	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	3	75	36	0	4	35
2	MHCDCS1	Sinh học và di truyền	2	30	15	14	1	
3	MHCDCS3	Vì sinh- Ký sinh trùng	2	30	14	12	1	3
4	MHCDCS6	Hóa học	3	63	26	17	2	18

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT				
				TỔNG	LT	TL, BT	KT	TH
5	MHCDC3	Tin học 1	2	45	0	44	1	
6	MHCDC5	Tiếng Anh 1	2	30	10	18	2	
7	MHCDC8	GD chính trị 1	3	45	28	14	3	
8	MHCDC10	Pháp luật	2	30	19	10	1	
		HỌC KỲ II						
9	MHCDCS8	Thực vật	3	50	27	4	1	18
10	MHCDCS4	Giải phẫu - Sinh lý	3	54	18	29	1	6
11	MHCDCS2	Hóa sinh	2	30	19	10	1	
12	MHCDCS7.1	LT Hóa phân tích	2	36	15	20	1	
13	MHCDCS7.2	TH Hóa phân tích	1	18				18
14	MHCDC4	Tin học 2	1	30		29	1	
15	MHCDC6	Tiếng Anh 2	2	30	11	18	1	
16	MHCDC9	GD chính trị 2	2	30	15	13	2	
		HỌC KỲ III						
17	MHCDCS9	Vật lý đại cương	2	30	15	8	1	6
18	MHCDD2.1	LT Dược liệu	2	30	27	2	1	
19	MHCDD2.2	TH Dược liệu	1	33				33
20	MHCDD4.1	LT Hóa dược - Dược lý I	3	48	34	12	2	
21	MHCDD4.2	TH Hóa dược - Dược lý I	1	18				18
22	MHCDCS5	Bệnh học	3	45	32	12	1	
23	MHCDCS11	Tổ chức, quản lý và Pháp chế dược	2	32	20	11	1	
24	MHCDC7	Tiếng Anh 3	2	30	10	18	2	
25	MHCDD15	Thực tế cơ sở 1 (TTNCKDD,	2	90				90

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT				
				TỔNG G	LT	TL, BT	KT	TH
		Trạm y tế xã, phường)						
26	MHCDC2	Giáo dục thể chất	2	60	3		2	55
		HỌC KỲ IV						
27	MHCDD3	Chuyên đề Dược liệu (MH tự chọn)	1	15	12	2	1	
28	MHCDD5.1	LT Hóa dược - Dược lý II	2	39	26	11	2	
29	MHCDD5.2	TH Hóa dược - Dược lý II	1	21				21
30	MHCDD9.1	Bào chế	3	45	33	10	2	
31	MHCDD9.2	TH Bào chế	1	30				30
32	MHCDCS10	Thống kê y dược	2	30	10	19	1	
33	MHCDD1	Tiếng Anh 4 (chuyên ngành)	2	30	12	17	1	
34	MHCDD16	Thực tế cơ sở 2 (Cơ sở bán lẻ đạt GPP)	4	180				180
		HỌC KỲ V						
35	MHCDD6	Chuyên đề HD-DL-DLS (MH tự chọn)	1	15	10	4	1	
36	MHCDD10	Bào chế TC	1	15	10	4	1	
37	MHCDD7	Kiểm nghiệm	3	50	24	9	2	15
38	MHCDD11	Đảm bảo chất lượng & quản lý tồn trữ thuốc	2	30	14	9	1	6
39	MHCDD12	Kinh tế & Quản trị kinh doanh Dược	3	45	22	22	1	
		HỌC KỲ VI						
40	MHCDD8	Dược lâm sàng	6	45	25	10	1	9

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT				
				TỔNG G	LT	TL, BT	KT	TH
41	MHCDD13	Marketing Dược (MH tự chọn)	6	15	9	5	1	
42	MHCDD14	Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm	6	45	22	7	1	15
43	MHCDD17	Thực tế tốt nghiệp (Cơ sở y tế, Doanh nghiệp Dược)	5,6	585				585
44	MHCDD18	Chuyên đề tổng hợp tốt nghiệp	6	225				225
		Cộng	106	2502	623	444	49	1386